

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST.

Ngày: 23/02/2023

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân
Ông Đàm Thanh Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2022/QĐXXST – DS ngày 16/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 04/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Q, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã VQ, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Q trình bày:

Vào ngày 24/9/2018 âm lịch, ông và ông Nguyễn T có làm hợp đồng mua bán lúa giống. Ông bán cho ông T số lượng, loại lúa giống cụ thể như sau:

Giống 5451 là 10.500 ký x 14.000 đồng = 147.000.000 đồng

Giống RVT là 2.000 ký x 19.000 đồng = 38.000.000 đồng

Giống Đài thơm 8 là 2.000 ký x 16.000 đồng = 32.000.000 đồng

Tổng cộng tiền giống là 217.000.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu đồng). Ông có cho ông T nợ với thời gian là 05 tháng kể từ ngày nhận lúa giống, sau ngày thỏa thuận 24/9/2018 là khoảng 5-7 ngày thì ông giao giống cho ông T. Khi giao giống thì có làm giấy tay, nhưng sau đó đến ngày 29/02/2019 giữa ông và ông T có làm lại hợp đồng mua bán lúa giống ngày 24/9/2018 để nhờ ủy ban nhân dân (UBND) xã VQ, thị xã N xác nhận vào hợp đồng, cả ông và ông T cùng đến UBND xã VQ, thị xã N ký xác nhận hợp đồng và UBND xã VQ, thị xã N cũng có lưu giữ lại một bản hợp đồng. Ông làm xong hợp đồng này thì đã bỏ tờ giấy tay thỏa thuận mua bán giống.

Tuy nhiên, sau khi đến thời hạn trả tiền thì ông T không trả đủ tiền cho ông, ông T chỉ trả cho ông được 07 lần. Cụ thể, lần 1 ngày 15/3/2019 âm lịch do cha ruột ông T trả tiền cho ông số tiền 60.000.000 đồng; Lần 2 ngày 17/4/2019 âm lịch do mẹ ruột ông T trả tiền cho ông số tiền 5.000.000 đồng; Lần 3 ngày 21/6/2019 âm lịch do mẹ ruột ông T trả tiền cho ông số tiền 5.000.000 đồng; Lần 4 ngày 29/10/2019 âm lịch do mẹ ruột ông T trả tiền cho ông số tiền 5.000.000 đồng; Lần 5 ngày 23/02/2020 âm lịch do mẹ ruột ông T trả tiền cho ông số tiền 5.000.000 đồng; Lần 6 ngày 13/8/2020 âm lịch do ông T trả tiền cho ông số tiền 10.000.000 đồng; Lần 7 ngày 07/02/2021 âm lịch do ông T trả tiền cho ông số tiền 3.000.000 đồng. Những lần ông nhận tiền của ông T đều có ký vào sổ cho ông T, còn về phía ông tự theo dõi sổ riêng.

Tổng số tiền ông T trả cho ông là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng), ông T còn nợ lại ông số tiền 124.000.000 đồng nhưng ông Thành chỉ hứa cho qua lễ chứ không thực hiện trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Q yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn T trả cho ông số tiền lúa giống còn thiếu là 124.000.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

- Về lãi suất: tại đơn kiện ông yêu cầu ông T trả cho ông lãi suất chậm trả trên số tiền còn nợ từ ngày 20/3/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/02/2023) với mức lãi suất là 1,66%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông xin điều chỉnh lại mức lãi suất là 0,83%/tháng kể từ ngày 20/3/2021 đến ngày xét xử (ngày 23/02/2023) làm tròn là 23 tháng, tương ứng là $124.000.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 23.671.600 \text{ đồng}$.

=> Tổng tiền gốc và lãi ông yêu cầu ông Nguyễn T trả cho ông là 147.671.600 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, sáu trăm đồng).

2/ Trong quá trình xét xử, bị đơn ông Nguyễn T vắng mặt, Tòa án đã niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến cung cấp cho Tòa án.

3/ Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục

của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn không có mặt cũng không có yêu cầu xin vắng mặt nên chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn T trả cho ông Nguyễn Q số tiền lúa giống còn nợ là 124.000.000 đồng và số tiền lãi là 23.671.600 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi một phần đơn khởi kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Q yêu cầu thay đổi mức lãi suất từ 1,66%/tháng xuống còn 0,83%/tháng. Việc thay đổi mức lãi suất này có lợi cho phía bị đơn và không vượt phạm vi đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của BLTTDS chấp nhận yêu cầu thay đổi của nguyên đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Q yêu cầu bị đơn ông Nguyễn T trả số tiền mua lúa giống còn thiếu là 124.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh là hợp đồng mua bán lúa giống lập ngày 24/9/2018 được Ủy ban nhân dân xã VQ, thị xã N xác nhận ngày 29/02/2019, bị đơn ông T hiện nay không có mặt ở địa phương nên không thể hiện ý kiến trong quá trình tố tụng. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo hợp đồng mua bán lúa giống ngày 24/9/2018 do ông Q cung cấp có thỏa thuận nội dung mua bán giống cụ thể tại mục số “3. Nội dung cụ thể như sau:

Bên A (người đại diện ông Nguyễn Văn Quán) đã thỏa thuận với bên B (Người đại diện ông Nguyễn Ngọc Thành) đi đến thống nhất như sau:

Bên A có bán lúa giống cho bên B cụ thể như sau:

Giống 5451 là 10.500 ký x 14.000 đồng = 147.000.000 đồng

Giống RVT là 2.000 ký x 19.000 đồng = 38.000.000 đồng

Giống Đài thom 8 là 2.000 ký x 16.000 đồng = 32.000.000 đồng

Vậy tổng số tiền giống bên B nợ bên A là 217.000.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu đồng).

Lưu ý: Bên A cho bên B nợ thời gian là 05 tháng kể từ ngày nhận lúa giống, nếu sau thời gian này sẽ tính lãi suất 2% trên tháng với số tiền nợ tương ứng.”

Hợp đồng này ông Q và ông T cùng nhau ký tên chỗ người mua và người bán được Ủy ban nhân dân (UBND) xã VQ, thị xã N, đại diện là ông Huỳnh C– Phó Chủ tịch UBND xã VQ, thị xã N xác nhận vào hợp đồng. Bên cạnh đó, theo

lời trình bày của ông Huỳnh C tại biên bản xác minh lập ngày 23/02/2023 xác định ông Q và ông T trực tiếp đến UBND xã VQ, thị xã N ký hợp đồng mua bán lúa giống lập ngày 24/9/2018 thì ông mới xác nhận hợp đồng cho hai ông này. Cho nên, Hội đồng xét xử xác định ông Q có bán lúa giống cho ông T với số lượng lúa và giá tiền tổng cộng là 217.000.000 đồng.

[3.2] Xét về quá trình thực hiện hợp đồng mua bán: Theo nguyên đơn ông Q trình bày thì ông Q đã giao toàn bộ số lượng giống nêu trên cho ông T vào ngày 24/9/2018, hai bên đã làm biên nhận tay, nhưng đến ngày 29/02/2019 khi ông Q và ông T làm lại hợp đồng nhờ UBND xã VQ, thị xã N ký xác nhận thì ông Q đã bỏ biên nhận tay. Ngày ông Q giao giống cho ông T cách ngày 24/9/2018 khoảng từ 05 đến 07 ngày sau. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng mua bán lúa giống ngày 24/9/2018 thì có đề.... *“Vay tổng số tiền giống bên B nợ bên A là 217.000.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu đồng).”* Như vậy khi ông Q và ông T làm lại hợp đồng được UBND xã VQ, thị xã N ký xác nhận ngày 29/02/2019 đã xác định ông T nợ ông Q số tiền 217.000.000 đồng, tức là ông Q đã giao giống xong cho ông T cho nên ông T phải có nghĩa vụ trả số tiền mua lúa giống cho ông Q theo đúng thỏa thuận. Nhưng đến thời điểm này thì ông T chưa trả hết tiền lúa giống cho ông Q là vi phạm nghĩa vụ của bên mua theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc ông Q khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền mua lúa giống còn thiếu là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét về lãi suất: Việc ông T mua lúa giống của ông Q còn nợ tiền không trả nợ đúng thỏa thuận nên ông Q yêu cầu tính lãi suất là phù hợp. Ngày giao giống theo ông Q xác định là sau ngày 24/9/2018 khoảng từ 05 đến 07 ngày nhưng chưa có căn cứ vững chắc để xác định ngày ông T nhận giống do ông Q đã bỏ biên nhận tay. Tuy nhiên, ngày 29/02/2019 UBND xã VQ, thị xã N xác nhận hợp đồng mua bán lúa giống giữa hai bên thì đã xác định ông T nợ tiền giống của ông Q, tức là ông Q đã giao giống cho ông T trước ngày UBND xã VQ, thị xã N xác nhận (ngày 29/02/2019). Tại phiên tòa ông Q đồng ý xác định ngày giao giống là ngày xã xác nhận 29/02/2019. Nếu cho thiếu thời hạn 05 tháng thì tính đến ngày 29/7/2019 ông T phải có nghĩa vụ trả tiền mua lúa cho ông T nhưng ông Q cho rằng giữa hai bên có thỏa thuận ông T hứa đến ngày 20/3/2021 thì ông T trả tiền xong cho ông Q, ông Q cũng đồng ý nhưng sau đó ông T không trả nên ông yêu cầu tính lãi suất từ ngày 20/3/2021 là có lợi cho ông T nên được hội đồng xét xử chấp nhận. Theo khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *“trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015”* và *Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất chậm trả là 10%/năm.* Cho nên ông Q yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 20/3/2021 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể, tiền lãi được tính như sau từ ngày 20/3/2021 dương lịch đến ngày xét xử 23/02/2023, làm tròn 23 tháng, số tiền lãi: 124.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 23 tháng = 23.671.600 đồng.

[4] Như vậy, số tiền ông T còn phải trả cho ông Q là vốn 124.000.000đ +

lãi 23.671.600 đồng = 147.671.600 đồng.

[5] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông T phải chịu là 147.671.600đồng x 5% = 7.383.500 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn ông Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Q về việc yêu cầu ông Nguyễn T trả số tiền mua bán lúa giống.

Buộc ông Nguyễn T trả cho ông Nguyễn Q số tiền tổng cộng là 147.671.600 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, sáu trăm đồng). Trong đó tiền giống còn nợ là 124.000.000 đồng và tiền lãi là 23.671.600 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi ông Q yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông T còn phải trả lãi cho ông Q theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.383.500 đồng (*Bảy triệu ba trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm đồng*).

Ông Nguyễn Q được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.525.000 đồng (*Ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002697 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt

tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng